

ĐÔNG NAM Á TRONG CUỘC ĐẤU TRANH CHỐNG PHÁT XÍT NHẬT (1941-1945): LỊCH SỬ VÀ VẤN ĐỀ

TRẦN THỊ VINH*
HOÀNG HẢI HÀ

Tháng 9-1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ ở châu Âu. Chỉ trong một thời gian ngắn, các nước thực dân châu Âu đều bị phát xít Đức thôn tính hoặc phải đương đầu với bộ máy chiến tranh khổng lồ của phát xít Đức. Đây là thời cơ thích hợp để Nhật Bản xâm nhập vào Đông Nam Á, khu vực có tầm quan trọng chiến lược trong chính sách bành trướng và mở rộng thế lực của chủ nghĩa quân phiệt Nhật. Lịch sử Đông Nam Á bước sang một thời kì mới, thời kì đấu tranh chống xâm lược và ách thống trị tàn bạo của quân phiệt Nhật, giành độc lập dân tộc. Bài viết này tập trung phân tích những đặc điểm của cuộc đấu tranh chống Nhật và đóng góp của các dân tộc ở Đông Nam Á trong cuộc chiến đấu chống chủ nghĩa phát xít của nhân loại tiến bộ trên toàn thế giới.

1. Để xâm nhập vào Đông nam Á, Nhật Bản lợi dụng mâu thuẫn giữa các dân tộc với các cường quốc thực dân phương Tây để nguy trang cho hành động xâm lược của mình bằng chính sách thành lập "khu vực thịnh vượng Đại Đông Á". Nhận thấy rõ vị trí của Đông Dương trong kế hoạch xâm lược Đông Nam Á, Nhật Bản đã đưa nhiều yêu cầu buộc Pháp phải nhượng bộ trong việc biến Đông Dương thành hậu cứ quân sự của Nhật trong cuộc chiến tranh với Trung Quốc và bàn đạp cho việc mở rộng xâm lược khu vực Đông Nam Á. Việt Nam như đầu cầu vào Đông Nam Á nên quân Nhật đã kéo vào sớm nhất. Ngày 22-9-1940, quân Nhật đánh chiếm Lạng Sơn, sau đó đổ bộ lên Hải Phòng ngày 26-9, mở đầu cho các hoạt động quân sự ở Đông Dương. Đông Dương thuộc Pháp đã thực sự trở thành

* PGS.TS. Trần Thị Vinh - Hoàng Hải Hà, Đại học Sư phạm Hà Nội.

căn cứ quân sự cho cuộc chiến tranh xâm lược của Nhật ở Đông Nam Á. Việt Nam lúc này trở thành nơi cung cấp các nhu cầu quân sự, các thông tin phục vụ cho cuộc chiến tranh xâm lược của quân phiệt Nhật ở Mã Lai và Miến Điện. Cùng một lúc với việc bất ngờ tấn công Trân Châu Cảng, kể từ ngày 7-12-1941, Nhật Bản phát động cuộc tấn công toàn diện vào Đông Nam Á. Bằng những đòn tấn công chiến lược có hiệu quả, cho đến năm 1942, hầu như toàn bộ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân phương Tây ở Đông Nam Á đã rơi vào tay Nhật. Riêng ở Đông Dương, thực dân Pháp và phát xít Nhật cùng cai trị và bóc lột xứ sở này. Cho đến tháng 3-1945 thì Nhật chiếm toàn bộ Đông Dương.

Quá trình Nhật Bản xâm lược Đông Nam Á được che đậy bằng khẩu hiệu "châu Á của người châu Á". Người Nhật đã giải thích chính sách Đại Đông Á của mình bằng những lời lẽ giả dối: "Đông Á và vùng biển Nam gần nhau về địa lí, lịch sử, chủng tộc và tính chất kinh tế. Do đó, số phận của những nước trong khu vực phải dựa vào nhau, và giúp đỡ lẫn nhau, cung cấp cho nhau những nguồn tài nguyên không giới hạn. Làm như vậy nhân dân Đông Nam Á sẽ sống giàu có và bảo đảm"⁽¹⁾. Tuy vậy, chế độ chiếm đóng tàn bạo của quân Nhật ở các nước Đông Nam Á đã nhanh chóng làm tan biến ảo tưởng về "vai trò giải phóng của người anh cả da vàng" và bộc lộ rõ bản chất xâm lược của quân phiệt Nhật. Cùng với chính sách cai trị và bóc lột

thậm tệ ở Đông Nam Á, Nhật Bản còn sử dụng chính sách dùng người bản địa để phục vụ chiến tranh và sự chiếm đóng của quân đội Nhật. Ở Miến Điện, quân Nhật sử dụng lực lượng tư sản dân tộc cánh hữu đứng đầu là Ba Mao. Ở Indônêxia, Nhật lợi dụng uy tín của Xucácno để hứa hẹn về việc trao trả độc lập cho nước này. Nhật sử dụng các phần tử thân Nhật ở Philippin (như Vácga Ala Lôren, Rôda), ở Việt Nam (Trần Trọng Kim) để thực hiện chính sách thống trị của mình.

2. Một phong trào chống Nhật bùng nổ mạnh mẽ ở các nước Đông Nam Á ngay từ những ngày đầu khi quân đội Nhật đặt chân lên khu vực này. D.E.G.Hall, giáo sư danh dự bộ môn Lịch sử Đông Nam Á trường Đại học London đã nhận xét rất đúng rằng, "không một nơi nào quân xâm lược Nhật được các phong trào dân tộc ủng hộ về vật chất". Trước khi tiến hành xâm lược Đông Nam Á, Nhật Bản đã không thành công trong việc kích động bất cứ một cuộc khởi nghĩa dân tộc nào chống lại các cường quốc phương Tây. Sau khi chiếm được Đông Nam Á, mặc dù Nhật Bản cố gắng tuyên truyền chính sách "châu Á của người châu Á", tìm cách xoá bỏ ảnh hưởng và văn hoá phương Tây ở khu vực này, nhưng trên thực tế đã hoàn toàn thất bại. Quân đội Nhật đã giành được thắng lợi đáng ngạc nhiên và nhanh chóng trên chiến trường, đã làm sụp đổ uy tín không thể cứu vãn nổi của các nước thực dân phương Tây đã từng thống trị hàng trăm năm ở Đông

Nam Á, tuy nhiên đã không thể chinh phục được các dân tộc ở khu vực này. Phong trào kháng chiến chống Nhật lan rộng ở khắp các quốc gia Đông Nam Á. Tuy theo điều kiện lịch sử cụ thể của từng nước, phong trào kháng chiến chống Nhật diễn ra dưới những hình thức và mức độ khác nhau.

Ở các nước như Mã Lai, Philippin, Việt Nam phong trào kháng chiến chống Nhật diễn ra dưới sự lãnh đạo của các Đảng cộng sản hoặc chịu sự chi phối của những người cộng sản. Ở Mã Lai, ngay từ khi quân đội Nhật do tướng Yamasita đổ bộ lên bờ biển phía Đông Bắc Kélanatan, phong trào kháng Nhật đã bùng nổ, chống lại chế độ thống trị của quân đội Nhật. Khác với một số nước Đông Nam Á khác, ở Mã Lai quân đội Nhật thiết lập chế độ cai trị trực tiếp, coi Mã Lai như một tỉnh của Nhật. Do vậy, phong trào đấu tranh chống Nhật bùng nổ từ rất sớm và diễn ra rất quyết liệt. Các lực lượng dân tộc được tập hợp trong Mặt trận dân tộc có tên gọi là "Phong trào Ba ngôi sao", trong đó những người cộng sản là động lực chính của phong trào. Quân đội nhân dân Mã Lai chống Nhật (Malaya People Anti Japanese Army-MPAJA) được thành lập với số lượng quân "lên tới 7000 người, cả nam và nữ, cùng với khoảng 300 người Anh mà phần lớn đã nhảy dù xuống các vùng này"⁽²⁾. Các hoạt động kháng chiến chống Nhật lan rộng khắp trong nước, quân du kích đã chiến đấu dũng cảm, tiêu diệt hàng vạn tên địch, viết nên bản anh hùng ca về cuộc chiến đấu

chống phát xít trong các khu rừng rậm Mã Lai. Họ đã từng bước phá hoại giao thông đường sắt, cản trở các hoạt động quân sự của quân đội Nhật và đến năm 1945 đã có thể làm tê liệt hệ thống giao thông của Nhật.

Trong phong trào kháng Nhật ở Mã Lai, những người cộng sản Mã Lai gốc Hoa là động lực chính và là lực lượng chỉ huy. Họ chủ trương đoàn kết với các lực lượng dân tộc như người Mã Lai bản địa và người Mã Lai gốc Ấn để tạo thành khối đoàn kết trong Mặt trận dân tộc thống nhất. Tuy nhiên, những khác biệt về tâm lý dân tộc, sự chia rẽ giữa các cộng đồng dân cư vốn tồn tại từ thời kì thuộc địa đã ảnh hưởng nhất định đến sức mạnh đoàn kết dân tộc. Điều đó đã gây ra những khó khăn, trở ngại cho phong trào đấu tranh. Tuy nhiên, bất chấp những khó khăn đó, phong trào vẫn tiếp tục lan rộng, Quân đội nhân dân Mã Lai chống Nhật đã giải phóng được nhiều vùng rộng lớn trong nước.

Ở Philippin, trong bối cảnh một bộ phận lớn giai cấp tư sản cầm quyền chủ trương hoà hoãn với Nhật và trông chờ vào sự trở lại của quân đội Mĩ, những người cộng sản ngay từ đầu đã thể hiện quyết tâm thành lập Mặt trận dân tộc chống Nhật. Dưới sự tuyên truyền, vận động của những người cộng sản và một nhóm những người xã hội cánh tả, thông qua các khẩu hiệu "Tất cả vì độc lập", "Tất cả để chống Nhật"... Mặt trận dân tộc Philippin được thành lập tháng 2-1942. Mặt trận bao gồm đông đảo các tầng lớp dân dân, các thành phần xã hội

với mục tiêu đấu tranh và giành độc lập hoàn toàn cho Philippin. Tháng 3-1942, lực lượng vũ trang chống Nhật được thành lập với tên gọi Hukbalahap (Hukbalahap theo tiếng Tagalog có nghĩa là Quân đội nhân dân chống Nhật). Quân đội Huk phát triển hết sức nhanh chóng, từ chỗ chỉ bao gồm một số nông dân ở các vùng trồng mía ở miền Trung và miền Nam tỉnh Luzon, đã trưởng thành thành một đạo quân 10 vạn người vào cuối năm 1944⁽³⁾. Bằng những hoạt động chiến tranh du kích, quân đội Huk đã tiêu diệt một bộ phận đáng kể quân Nhật và giải phóng nhiều tỉnh quan trọng ở Philippin trước khi quân đội Mỹ quay trở lại đất nước này vào tháng 10-1944.

Ở Việt Nam, ngay sau khi chiến tranh thế giới bùng nổ, Đảng Cộng sản Đông Dương đã kịp thời chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng, xác định rõ vị trí của cách mạng Việt Nam trong cuộc đấu tranh của các lực lượng dân chủ chống phát xít trên thế giới. Ngay từ đầu, những người cách mạng Việt Nam đã nhận thức rõ bộ mặt lừa dối của chính sách "Đại Đông Á" của Nhật, không có ảo tưởng về việc Nhật sẽ trao trả độc lập cho các nước Đông Dương. Chính vì vậy, chính phủ Trần Trọng Kim không giành được một chút uy tín nào trong các lực lượng dân tộc. Ngày 19-5-1941, Mặt trận Việt Minh được thành lập, bao gồm các tổ chức yêu nước của quần chúng lấy tên là Hội cứu quốc, nhằm "liên hiệp hết thảy các giới đồng bào yêu nước, không phân biệt giàu nghèo, già trẻ, gái trai,

không phân biệt tôn giáo và xu hướng chính trị, đang cùng nhau mưu cuộc dân tộc giải phóng và sinh tồn"⁽⁴⁾. Mặt trận Việt minh là Mặt trận dân tộc thống nhất được thành lập sớm nhất trong khu vực Đông nam Á. Chính nhờ có đường lối cách mạng đúng đắn, từ chỗ "thu góp toàn lực đem tất cả ra giành chính quyền độc lập, tự do cho dân tộc, đánh tan giặc Pháp - Nhật xâm chiếm nước ta", đến khi phát xít Nhật hất cẳng Pháp, độc chiếm Đông Dương thì mục đích giành độc lập từ tay Nhật được đưa lên hàng đầu, phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam đã có những bước phát triển mạnh mẽ. Mặt trận Việt Minh ngày càng mở rộng uy tín và ảnh hưởng sâu rộng trong các tầng lớp quần chúng nhân dân trong nước. Đối với bên ngoài, trên cơ sở mối quan hệ sẵn có của phong trào cách mạng Đông Dương và đặc biệt của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc với các Đảng cộng sản, phong trào yêu nước ở Đông Nam Á, Mặt trận Việt Minh đã từng bước mở rộng liên lạc với phong trào dân tộc chống phát xít Nhật ở một số nước như Miến Điện, Mã Lai, Philippin, Thái Lan, Indônêxia... Đặc biệt ở Thái Lan, Việt Minh đã cùng với các lực lượng yêu nước chống Nhật tại Thái lập khu căn cứ chung ở Phu Khan. Ở đây, Việt Minh đã huấn luyện quân đội, lập kho vũ khí và tiếp nhận viện trợ vũ khí từ lực lượng Đồng minh. Tháng 8-1945, phát xít Nhật bị lực lượng Đồng minh đánh bại và buộc phải đầu hàng vô điều kiện. Chớp lấy thời cơ có một không hai, Đảng cộng sản đã lãnh đạo

nhân dân Việt Nam tiến hành cách mạng tháng Tám thắng lợi, hoàn thành nhiệm vụ giành độc lập dân tộc, đưa đất nước trở thành quốc gia có chủ, đón tiếp quân Đồng minh vào giải giáp quân Nhật. Cách mạng tháng 8-1945 ở Việt Nam trở thành lá cờ đầu của phong trào chống phát xít, giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á.

3. Ở một số nước Đông Nam Á khác như Indônêxia, Miến Điện phong trào chống phát xít do những người dân tộc tư sản cấp tiến lãnh đạo. Tuy nhiên, trong nội bộ Mặt trận dân tộc đã diễn ra cuộc đấu tranh giữa các lực lượng cánh tả bao gồm những người cộng sản, những người tư sản dân tộc chủ trương giành độc lập bằng những biện pháp mạnh mẽ với những người lãnh đạo Mặt trận dân tộc có chủ trương ôn hoà. *Indônêxia* là một thí dụ điển hình về cuộc đấu tranh giữa hai xu hướng nêu trên.

Tháng 3-1942, chỉ sau chín ngày giao chiến, quân đội Nhật đã chiếm đóng Indônêxia. Chiến thắng dễ dàng của quân Nhật đối với Hà Lan và quân Đồng minh đã khiến nhiều người Indônêxia hy vọng về khả năng nhờ vào người Nhật để thoát khỏi ách thống trị thuộc địa của thực dân Hà Lan. Đó là lí do giải thích vì sao có một số người dân Indônêxia đã ủng hộ, thậm chí đón chào đội quân xâm lược Nhật. Về phía các nhà lãnh đạo, "ngay từ đầu đã có sự thỏa thuận chia ra thành hai nhóm. Một nhóm do Xucác nô và Hátta lãnh đạo đã hợp tác với Nhật để làm phương tiện

tiếp tục thực hiện sự nghiệp dân tộc của mình. Nhóm kia do Sgiaria và Sariphutsdin lãnh đạo, đã bí mật tổ chức phong trào kháng chiến, tiếp tục liên lạc với các đồng chí của họ đang ở bên phía Nhật"⁽⁶⁾. Tuy nhiên, chỉ trong một thời gian ngắn, chính sách bóc lột tàn bạo của quân đội Nhật đã khiến cho người dân Indônêxia thấy rõ bộ mặt thật của chủ nghĩa quân phiệt Nhật. Phong trào chống Nhật bùng nổ và lan rộng trên các đảo của Indônêxia. Từ mùa xuân năm 1941, Mặt trận chống phát xít đã được thành lập lấy tên là GERAF (Gerakan Anti-Fascist) bao gồm các lực lượng cánh tả của Đảng cộng sản, đại diện của Mặt trận nhân dân GERINDO, Hội Liên hiệp Thanh niên, Hội Nông dân... Mặc dù những người lãnh đạo Mặt trận chủ trương đấu tranh ôn hoà nhưng phần lớn các lực lượng yêu nước mong muốn đấu tranh chống Nhật, giành độc lập cho đất nước. Mùa thu năm 1943, dưới sự bảo trợ của Bộ chỉ huy quân đội Nhật, Đội quân tình nguyện bảo vệ tổ quốc (Peta) được thành lập nhằm mục đích hỗ trợ cho quân Nhật khi quân Đồng minh đổ bộ lên Indônêxia. Nhưng trên thực tế, trái với dự định của Nhật, các lực lượng Peta đã trở thành đội quân chống Nhật mạnh mẽ nhất. Tháng 2-1945, tiểu đoàn Peta ở miền Đông Gia va đã nổi dậy, bắn vào quân Nhật và chiếm thành phố Blita⁽⁶⁾. Mặc dù bị đàn áp và thất bại nhưng cuộc nổi dậy của binh lính ở Blita là một biểu tượng điển hình cho cuộc chiến đấu chống phát xít Nhật ở Indônêxia.

Trước phong trào đấu tranh mạnh mẽ của nhân dân Indônêxia, tháng 9 - 1944, Nhật Bản hứa sẽ trao trả độc lập cho Indônêxia. Tuy nhiên phải nửa năm sau, tháng 3-1945, Ban nghiên cứu chuẩn bị độc lập mới được thành lập ở Gia va. Tháng 6-1945, tại phiên họp của Ban nghiên cứu chuẩn bị độc lập, Xucácô đã đưa ra năm nguyên tắc cơ bản (Pancha Sila) đặt cơ sở tư tưởng cho nền độc lập tương lai của Indônêxia. Những diễn biến dồn dập trên chiến trường châu Âu và thất bại của phát xít Đức ngày 9-5-1945 đã buộc quân Nhật phải thực hiện nhanh chóng hơn yêu cầu đòi độc lập của nhân dân Indônêxia. Ngày 11-5-1945, hai ngày sau khi phát xít Đức đầu hàng, Chính phủ Nhật tuyên bố sẽ trao trả độc lập cho Indônêxia vào ngày 01-01-1946. Trong lúc các nhà lãnh đạo Mặt trận dân tộc chờ đợi để tiếp nhận nền độc lập dân tộc do người Nhật trao trả thì những người thuộc lực lượng cánh tả, đặc biệt là sinh viên, học sinh, trí thức lại chủ trương tự đứng lên tuyên bố độc lập dân tộc chứ không chờ đợi nền độc lập từ tay Nhật. Sáng sớm ngày 16-8-1945, những người yêu nước trẻ tuổi đã buộc Xucácô và Háttá phải chuẩn bị để tuyên bố độc lập cho Indônêxia. Ngày 17-8-1945, trước khí thế cách mạng của quần chúng, Xucácô đọc bản Tuyên ngôn độc lập, tuyên bố nền độc lập của Indônêxia.

Ở Miến Điện, đầu năm 1942 sau những trận giao tranh quyết liệt, quân đội Anh đã phải rút khỏi Rănggun và thắng lợi thuộc về quân Nhật. Quân đội

chiếm đóng đã thực hiện chính sách bóc lột tàn bạo và đàn áp dã man những người chống đối. Quân Nhật dựa vào Ba Mao, một phần tử tư sản dân tộc phái hữu để thành lập chính quyền bù nhìn thân Nhật và khống chế toàn bộ hoạt động của chính quyền này. Trong bối cảnh đó, những người cộng sản Miến Điện chủ trương tiến hành kháng chiến chống Nhật. Trong khi đó, một số thành phần dân tộc tư sản chủ trương dựa vào Nhật để giải phóng đất nước khỏi ách thống trị của thực dân Anh. Phong trào kháng Nhật của các tầng lớp nhân dân, các tộc người ở Miến Điện lan rộng khắp trong nước. Aung San, lãnh tụ của phong trào giải phóng dân tộc đã thành lập Quân đội độc lập Miến Điện (Burma Independence Army - BIA), từ Thái Lan trở về tiến hành cuộc kháng chiến chống Nhật. Tháng 8-1944, Đảng Cộng sản, Đảng dân tộc tư sản, các tổ chức Nông dân, Công đoàn Miến Điện, đại diện dân tộc các dân tộc cùng quân đội độc lập BIA đã tuyên bố thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất dưới tên gọi Liên minh tự do nhân dân chống phát xít (Anti - Fascist Peoples Freedom League - AFPL). Aung San được bầu làm Chủ tịch AFPL. Với khẩu hiệu "Miến Điện của người Miến Điện", phong trào kháng chiến chống Nhật diễn ra sôi nổi, mạnh mẽ ở khắp các địa phương trong nước, giải phóng nhiều vùng đất rộng lớn. Tháng 8-1945, Rănggun hoàn toàn được giải phóng.

4. Từ thực tế lịch sử của phong trào kháng chiến chống quân phiệt Nhật ở

Đông Nam Á có thể thấy, khi phát xít Nhật tấn công và xâm chiếm Đông Nam Á, phong trào giải phóng dân tộc ở khu vực này bước sang một thời kì mới. Trong bối cảnh chiến tranh, vấn đề giải phóng dân tộc khỏi ách xâm lược của chủ nghĩa quân phiệt Nhật là nhiệm vụ cấp bách hàng đầu đối với nhân dân các nước bị phát xít chiếm đóng, bất kể trước đây họ từng là thuộc địa của những đế quốc thực dân khác nhau. Từ cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa quân phiệt Nhật, giải phóng dân tộc trong Chiến tranh thế giới thứ hai có thể rút ra những kết luận sau đây:

a) *Sự tập hợp các lực lượng dân tộc trong Mặt trận dân tộc thống nhất và sự hình thành lực lượng vũ trang cách mạng nhằm góp phần đánh bại chủ nghĩa phát xít.*

b) *Cuộc kháng chiến chống phát xít của nhân dân các nước Đông Nam Á đóng góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít trên toàn thế giới.*

c) *Trong cuộc kháng chiến chống phát xít trong chiến tranh thế giới thứ hai, các Đảng cộng sản Đông Nam Á, đã khẳng định vai trò nòng cốt của mình trong đội ngũ dân tộc.*

d) *Thắng lợi của lực lượng Đồng minh trong chiến tranh thế giới thứ hai đã tạo ra thời cơ vô cùng thuận lợi cho cuộc đấu tranh giành độc lập của các dân tộc.*

Nhìn chung, trong những năm tháng khủng khiếp của chiến tranh thế giới thứ hai, hầu hết các dân tộc ở Đông Nam Á đều lựa chọn con đường đấu

tranh chống chủ nghĩa phát xít, giành độc lập dân tộc như một hướng đi chủ đạo, một sự lựa chọn có tính lịch sử. Mỗi dân tộc tuy theo điều kiện lịch sử cụ thể, bằng những con đường khác nhau, vào những thời điểm khác nhau, đều đã góp phần đáng trân trọng vào cuộc chiến đấu chống chủ nghĩa phát xít trên toàn thế giới. Thắng lợi của các cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á, mà tiêu biểu là thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945 ở Việt Nam và Indônêxia, là những cánh chim đầu đàn báo hiệu bão táp cách mạng giải phóng dân tộc sẽ tiếp tục trào dâng, lật đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc ở Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

CHÚ THÍCH

- (1) Dẫn theo Nguyễn Văn Hồng. *Mấy vấn đề lịch sử châu Á và lịch sử Việt Nam*. Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội 2001, tr. 13.
- (2) D.G.E. Hall. *Lịch sử Đông Nam Á*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr. 1170.
- (3) Michael Leifer. *Dictionary of the Modern Politics of Southeast Asia*. Routledge London and New York, 1995, tr.110.
- (4) Văn kiện Đảng (1930-1945), Tập III, BCN LSD TU xuất bản, Hà Nội, 1977, tr. 436.
- (5) D.G.E.Hall. *Lịch sử Đông Nam Á*. Sdd, tr. 1170
- (6) Xem thêm Ngô Văn Doanh. *Indônêxia những chặng đường lịch sử*. Nxb chính trị quốc gia Hà Nội, 1995, trang 169-170.